TAND HUYỆN VĂN BÀN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày 20/3/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thứ.

2. Bà Vương Thị Thu.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Nam - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/ TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HS ngày 07/3/2019 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn T, sinh ngày 03/3/1991, tại huyện C, thành phố H.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã G, huyện B, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 3/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Nguyễn Văn K, sinh năm 1965, hiện trú tại: Xã G, huyện B, tỉnh L; con bà: Phùng Thị T, sinh năm 1967 (đã chết). Mẹ kế: Phạm Thị H, sinh năm 1974, trú tại: Xã G, huyện B, tỉnh L.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2/ Phàn Xuân L, sinh ngày 08/3/1993, tại huyện B, tỉnh L.

Nơi cư trú: Thôn K8, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12.

Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Phàn Văn Đại, sinh năm 1967; con bà: Lù Thị Mui, sinh năm 1970. Hiện đều trú tại: Xã B, huyện B, tỉnh L.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Các bị hại: 1 - Ông Trần Văn C, sinh năm 1976 - Vắng mặt.

2 - Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1978 - Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh T: Ông Trần Văn C, sinh năm 1976 - Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn U, xã T, huyện V, tỉnh L.

3 - Anh Đặng Trọng C, sinh năm 1993 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thị T, xã V, huyện V, tỉnh L.

4 - Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh L. Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H: Anh Đặng Trọng C, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thị T, xã V, huyện V, tỉnh L - Vắng mặt.

5 - Bà Nguyễn Bích H, sinh năm 1980 - Vắng mặt.

6 - Ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1981 - Vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Mạnh T: Bà Nguyễn Bích H, sinh năm 1980 - Vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn T, sinh năm 1989 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn 9, xã Y, huyện V, tỉnh Y.

Người làm chứng: 1 - Anh Nguyễn Thùy D, sinh năm 1987 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện V, tỉnh Y.

2 - Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xã Y, huyện V, tỉnh Y.

3 - Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1999 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2018 đến tháng 5/2018 các bị cáo Nguyễn Văn T và Phàn Xuân L đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện V cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Tối 04/02/2018 Phàn Xuân L điều khiển xe mô tô Honda Dream không có biển kiểm soát chở Nguyễn Văn T từ huyện B theo tỉnh lộ 151B sang xã T, huyện V. Khoảng 22 giờ cùng ngày nhìn thấy có 2 xe mô tô dựng trong sân trước cửa nhà anh Trần Văn C - sinh năm 1976, trú tại thôn U, xã T. Quan sát xung quanh thấy không có người T bản L dừng xe rồi đi vào trong sân dùng vam phá khóa phá ổ khóa điện xe mô tô Honda Wave Alpha BKS 24 V1 - 136.16 rồi điều khiển xe mô tô lên đường cao tốc khoảng 02 km thì dừng lại lấy cờ lê tháo 02 gương chiếu hậu xe mô tô vừa trộm cắp vứt ở ven đường và dùng một con dao gấp bằng kim loại dài 15cm mài xóa số khung, số máy xe Honda Dream do L điều khiển, do nhìn thấy có người soi đèn pin, sợ bị phát hiện nên T đã điều khiển xe mô tô BKS 24 V1 - 136.16 chở L đến thị trấn M, huyện V, tỉnh Y bỏ lại chiếc xe Honda Dream trên đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Công an xã T đã lập biên bản tạm giữ xe mô tô Honda Dream và 02 gương chiếu hậu xe mô tô. Khoảng 10 giờ ngày 05/02/2018, T và L quay lên thành phố L vào một sới bạc không rõ địa chỉ cụ

thể tại khu đường B, phường N, thành phố L cắm chiếc xe mô tô BKS 24V1-136.16 được 10.000.000đ. T lấy 6.000.000đ, chia cho L 4.000.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 15/5/2018 Phàn Xuân L điều khiển xe mô tô Honda Dream không có biển kiểm soát chở Nguyễn Văn T đến xã T, huyện V chơi. Khi nhìn thấy xe mô tô Honda Wave BKS K7-7171 dựng trước cửa nhà chị Nguyễn Bích H - sinh năm 1980, trú tại Thôn T, xã T, huyện V. Quan sát sung quanh thấy không có người, T bảo L dừng xe đứng ngoài cảnh giới, T đi vào dùng vam phá khóa phá ổ khóa điện xe mô tô BKS K7-7171, sau đó mỗi người điều khiển một xe mô tô lên đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đi về thị trấn M, huyện V, tỉnh Y (trên đường đi T đã dùng cờ lê tháo biển kiểm soát của xe mô tô vừa lấy trộm vứt xuống sông Hồng). Sau đó T nhờ bạn là Nguyễn Văn T - sinh năm 1995, trú tại xã Y, huyện V, tỉnh Y tìm người để bán xe mô tô BKS K7-7171. T đã đưa L đến gặp Trần Văn T - sinh năm 1989, trú tại: Thôn 9, xã Y, huyện V và bán xe cho T với giá 4.000.000đ. Cả hai người đã cùng nhau chi tiêu ăn uống hết. Ngày 22/11/2018 anh Trần Văn T đã giao nộp chiếc xe mô tô trên cho cơ quan điều tra Công an huyện Văn Bàn.

Ngoài ra một mình Nguyên Văn T còn thực hiện một vụ trộm cắp tài sản cụ thể: Khoảng 19 giờ ngày 02/3/2018, T đến nhà chị Lự Thị Hồng Nc - sinh năm 2001 trú tại xã V, huyện V chơi, có gặp và đi nhờ xe của anh Nguyễn Văn P - sinh năm 1999, trú tại xã X, huyện B để về nhà. Khi anh P đi vào đổ xăng tại cây xăng xã V, T nhìn thấy một xe mô tô Honda Wave Alpha BKS 24B1-801.96 của anh Đặng Trọng C, sinh năm 1993 dựng trước cửa nhà ông Đặng Trọng T cách cây xăng V khoảng 100m. Quan sát xung quanh thấy ít người qua lại, T đi bộ đến vị trí xe mô tô dùng một vam phá khóa phá ổ khóa điện nổ máy điều khiển xe đi thẳng lên quán điện tử (không rõ tên và địa chỉ cụ thể) ở Km 0 xã B, huyện B cầm cố xe mô tô được 6.000.000đ và chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 22/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Văn Bàn quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T và Phàn Xuân L về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, qua thẩm vấn đã nêu quan điểm luận tội và đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Phàn Xuân L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị Hội đồng xét xử: - Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 09 tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Phàn Xuân L từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn T và Phàn Xuân L với bản án số 122/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Các Điều 288, 584, 589 Bộ luật dân sự:

+ Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L phải liên đới bồi thường cho ông Trần Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh T 15.300.000đ tiền thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Đặng Trọng C và chị Nguyễn Thị H 12.600.000đ tiền thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

- Về vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu của các bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L 4.000.000đ tiền do phạm tội mà có sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận: lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu Nguyễn Văn T dủ Phàn Xuân L cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện V cụ thể: Tối ngày 04/02/2018 trộm cắp 01 xe mô tô Honda Wave Alpha BKS 24V1-136.16 của gia đình ông Trần Văn C tại thôn U, xã T, huyện V rồi điều khiển xe lên thành phố L vào một sới bạc không rõ địa chỉ cụ thể tại khu đường B, phường N, thành phố L cắm chiếc xe mô tô BKS 24V1-136.16 được 10.000.000đ. T lấy 6.000.000đ, chia cho L 4.000.000đ; Tối ngày 15/5/2018 trộm cắp 01 xe Honda Wave BKS 24K7-7171 của gia đình chị Nguyễn Bích H tại thôn T, xã T, huyện V rồi điều khiển về thôn 9, xã Y, huyện V, tỉnh Y bán cho anh Trần Văn T với giá 4.000.000đ. Ngoài ra tối ngày 02/3/2018 một mình Nguyễn Văn T còn trộm cắp 01 xe Honda Wave Alpha BKS 24B1 - 801.96 của anh Đặng Trọng C tại Thị T, xã V, huyện V rồi điều khiển lên một quán trò chơi điện tử không nhớ tên và địa chỉ tại khu vực Km 0 xã B, huyện B cầm cố xe mô tô được 6.000.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 26/KL-ĐGTS ngày 19/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Bàn kết luận:

- Tại thời điểm tháng 02/2018 xe mô tô Wave Alpha BKS 24V1-136.16 có trị giá 15.300.000đ.

- Tại thời điểm tháng 5/2018 xe mô tô Honda Wave BKS 24K1-7171 có trị giá 6.450.000đ.

- Tại thời điểm tháng 3/2018 xe mô tô Wave Alpha BKS 24B1-801.96 có trị giá 12.600.000đ.

Như vậy lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo Nguyễn Văn T và Phàn Xuân L cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản của người khác có trị giá 21.750.000đ *(hai mươi mốt triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng.)* Ngoài ra Nguyễn Văn T một mình thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản của người khác có trị giá 12.600.000đ. Như vậy Nguyễn Văn T trộm cắp tài sản của người khác có tổng trị giá là 34.350.000đ *(ba mươi tư triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).* Mặt khác trong khoảng thời gian từ ngày 09/11/2017 đến ngày 23/5/2018 Nguyễn Văn T còn thực hiện 21 vụ trộm

cắp tài sản, trong 21 vụ trộm cắp này Phàn Xuân L tham gia cùng thực hiện 16 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn thành phố L. Tại bản án số 122/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố L đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt: Nguyễn Văn T 09 năm tù, Phàn Xuân L 07 năm 06 tháng tù. Như vậy các bị cáo thực hiện việc trộm cắp ở địa bàn huyện V đan xen với các vụ trộm cắp tài sản ở địa bàn thành phố L. Các bị cáo không có nghề nghiệp nên nguồn thu nhập chính là trộm cắp tài sản bán lấy tiền nuôi sống bản thân như vậy các vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện V của các bị cáo cũng có tính chất chuyên nghiệp. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố là đúng người, đúng tội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong đó: Bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng và tích cực thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính với vai trò người thực hành. Bị cáo Phàn Xuân L cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò người thực hành.

[2] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo như sau: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Đều là người có sức khỏe nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, lười lao động nên có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác để có tiền tiêu sài. Hiện các bị cáo còn bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn T còn bị Tòa án nhân dân thành phố L xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 121/2012 ngày 24/8/2012 mặc dù đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy cần phải xử lý các bị cáo với một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Mặt khác các bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố L áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn T 09 năm tù, Phàn Xuân L 07 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 122/2018/HSST ngày 30/11/2018. Bản án đã có hiệu lực pháp luật nên cần tổng hợp hình phạt với bản án này theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, một phần tài sản trộm cắp được thu hồi trả lại cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho các bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Qua xem xét các tài liệu trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên Tòa cho thấy các bị cáo không nghề nghiệp, không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Xe mô tô Honda Wave Alpha BKS 24V1 - 136.16 các bị cáo trộm cắp thuộc sở hữu của ông Trần Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh T, sau khi trộm cắp các bị cáo đã cắm vào một sới bạc, không rõ địa chỉ cụ thể được 10.000.000đ hiện chưa tìm lại được xe mô tô. Số tiền trên bị cáo T lấy 6.000.000đ, bị cáo L được chia 4.000.000đ và đã chi tiêu cá nhân hết. Ông C, bà T yêu cầu các bị cáo bồi thường trị giá xe mô tô theo kết luận định giá là 15.300.000đ cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại số tiền này, phần của mỗi bị cáo tương ứng với số tiền được hưởng khi cắm tài sản. Như vậy cần buộc bị cáo T phải bồi thường 9.000.000đ, bị cáo L phải bồi thường là 6.300.000đ cho bị hại.

- Xe mô tô Honda Wave BKS 24K7 - 7171 các bị cáo trộm cắp thuộc sở hữu của ông Nguyễn Mạnh T và bà Nguyễn Bích H, sau khi trộm cắp đã bán cho anh Trần Văn T được 4.000.000đ các bị cáo đã cùng nhau chi tiêu hết. Cơ quan điều tra đã thu hồi lại xe mô tô này trả lại cho bị hại, anh T, chị H không yêu cầu không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Xe mô tô Honda Wave Alpha BKS 24B1 - 801.96 một mình bị cáo T trộm cắp thuộc sở hữu của anh Đặng Trọng C và chị Nguyễn Thị H, sau khi trộm cắp bị cáo đã cắm tại một quán chò chơi điện tử, không rõ địa chỉ cụ thể được 6.000.000đ hiện chưa tìm lại được xe mô tô. Số tiền trên bị cáo T lđã chi tiêu cá nhân hết. Anh C yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá xe mô tô theo kết luận định giá là 12.600.000đ cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền này.

[7] Về vật chứng: - Xe mô tô Honda Wave BKS 24K7 - 7171 các bị cáo trộm cắp rồi bán cho anh Trần Văn T được 4.000.000đ, các bị cáo đã cùng nhau chi tiêu cá nhân hết. Anh T không biết xe mô tô trên do các bị cáo trộm cắp mà có, cơ quan điều tra đã thu hồi tài sản trả cho bị hại, anh T không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền trên. Số tiền trên các bị cáo có được do trộm cắp mà có cần truy thu sung công quỹ nhà nước, cụ thể truy thu mỗi bị cáo 2.000.000đ. Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Trần Văn T là phù hợp.

- Đối với xe mô tô Honda Dream không có biển kiểm soát, số khung, số máy bị mài trượt do Công an xã T, huyện V thu giữ trên đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai ngày 04/02/2018 là vật chứng của vụ án khác xảy ra tại địa bàn huyện B, tỉnh L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Bàn đã bàn giao cho cơ quan điều tra Công an huyện B xử lý theo thẩm quyền nên không đề cập giải quyết.

- Đối với 01 chiếc cờ lê dài 18cm; 01 con dao gấp bằng kim loại dài 15cm; 01 vam phá khóa kích thước dài 08cm được hàn cố định với một đoạn sắt hình chữ L các bị cáo sử dụng để trộm cắp tài sản đã được xử lý tại vụ án khác nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với bản án số 122/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt bị cáo 09 (chín) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 (mười một) năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2018 ngày tạm giam bị cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản" trên địa bàn thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Xử phạt bị cáo Phàn Xuân L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với bản án số 122/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai xử phạt bị cáo 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" buộc bị cáo Phàn Xuân L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/5/2018 ngày tạm giam bị cáo về hành vi "Trộm cắp tài sản" trên địa bàn thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Các Điều 288, 584, 589 Bộ luật dân sự:

+ Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L phải liên đới bồi thường cho ông Trần Đình C và bà Nguyễn Thị Thanh T 15.300.000đ (mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng) tiền thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Cụ thể phần của mỗi bị cáo như sau: Bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường 9.000.000đ (chín triệu đồng); Bị cáo Phàn Xuân L phải bồi thường 6.300.000đ (sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Đặng Trọng C và chị Nguyễn Thị H 12.600.000đ (mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Như vậy tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bị hại là 21.600.000đ (hai mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng.)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự;

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu của các bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền do phạm tội mà có sung ngân sách nhà nước. Cụ thể: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Phàn Xuân L mỗi bị cáo bị truy thu 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.080.000đ (một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 1.280.000đ (một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Bị cáo Phàn Xuân L phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm và 315.000đ (ba trăm mười lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng bị cáo Phàn Xuân L phải chịu 515.000đ (năm trăm mười lăm nghìn đồng) tiền án phí.

Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh LC(01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(02);
- Bị hại(06);
- Người có QLNVLQ(01);
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái